

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **142/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 26/4/2018

Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình
giữa anh Nguyễn Văn S
và chị Nguyễn TH (Nguyễn Thị T)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hà.
2. Ông Ngô Cao Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Vân Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2018/TLST - HNGĐ, ngày 18/01/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 23/3/2018; quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 09/4/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn PT, xã ML, huyện ĐA, thành phố HN (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn TH (Nguyễn Thị T), sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn TL, xã VL, huyện SD, tỉnh TQ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai, anh Nguyễn Văn Sơn trình bày:

Anh và chị Nguyễn TH (Nguyễn Thị T) kết hôn năm 2006, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, không bị cưỡng ép, lừa dối kết hôn; được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn ngày 06/01/2006 tại UBND xã ML, huyện ĐA, thành phố HN. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn sinh sống tại thôn PT, xã ML, huyện ĐA, thành phố HN. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2013 thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, thường xuyên cãi chửi nhau. Chị H (T) đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn TL, xã VL huyện SD, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay, anh

xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn không thể hòa giải được, không thể tồn tại gia đình hạnh phúc nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn TH (Nguyễn Thị T).

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn TT, sinh ngày 21/01/2007 hiện nay cháu đang ở cùng anh. Vợ chồng ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và không yêu cầu chị H (T) phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi chị Nguyễn TH (Nguyễn Thị T) đến để giải quyết vụ án nhưng chị H (T) đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay chị H (T) vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn TL, xã VL, huyện SD, tỉnh TQ. Theo lời khai của ông Nguyễn Văn B là bố đẻ của chị H (T) thì anh S và chị H (T) có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau ngày cưới chị H (T) theo chồng về sinh sống và làm ăn ở nhà chồng tại xã ML, huyện ĐA, thành phố HN. Quá trình chung sống, mâu thuẫn cụ thể của anh chị như thế nào thì gia đình ông không nắm rõ được. Chị H (T) đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn TL, xã VL, huyện SD từ năm 2013 và sống ly thân với anh Sơn từ đó đến nay. Hiện nay, chị H (T) đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về thăm gia đình và có liên lạc với ông nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể. Gia đình ông có nhận được giấy triệu tập của Tòa án và đã thông báo cho chị H (T) biết nhưng chị H (T) bận việc không về giải quyết được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Nguyễn TH (Nguyễn Thị T); giao cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 21/01/2007 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn TH (Nguyễn Thị T) không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung; anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo cung cấp của Công an xã VL, huyện SD, tỉnh TQ thì chị Nguyễn TH (Nguyễn Thị T) có hộ khẩu thường trú tại thôn TL, xã VL, huyện SD, tỉnh TQ. Chị H (T) đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ chị H (T) đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình chị H (T) đã thông báo cho chị H (T) nhưng chị H (T) vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn TH (Nguyễn Thị T) kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do cả hai không cùng chung sống, không quan tâm đến nhau và đã ly thân từ năm 2013 nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn S là xử cho anh S được ly hôn với chị Nguyễn TH (Nguyễn Thị T).

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn TH (Nguyễn Thị T) có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 21/01/2007. Xét thấy, cháu còn nhỏ, hiện đang ở cùng anh S; chị H (T) cũng không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao cháu T cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H (T) không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh Nguyễn Văn S không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn với chị Nguyễn TH (Nguyễn Thị T).

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thùy T, sinh ngày 21/01/2007 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn TH (Nguyễn Thị T) không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005732 ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Nguyễn TH (Nguyễn Thị T) không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- T.H.A dân sự huyện SD;
- UBND xã VL (SD-TQ);
- UBND xã ML (ĐA - HN);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Tuyết Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Hà - Ngô Cao Lâm

Ma Thị Tuyết Mai